BẢN SAO

TRUNG TÂM TƯ VẤN THỊ XÃ ĐIỆN BÀN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2019

MỤC LỤC

NỘI DUNG		TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC		1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP		2
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	(MẪU B01/BCTC)	3 – 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	(MẪU B02/BCTC)	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	(MẪU B03/BCTC)	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	(MẪU B04/BCTC)	7 – 13

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Trung tâm tư vấn xây dựng Thị xã Điện Bàn đệ trình Báo cáo này cùng Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc đã điều hành Trung tâm trong suốt năm tài chính và cho đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc:

Ông Trần Lê Hải Đảo	Giám Đốc	Điều chuyển sang Đơn vị mới từ ngày 15/01/2020 theo Quyết định số 11136/QĐ-UBND ngày 10/12/2019 của Ủy ban nhân dân Thị xã Điện Bàn.
Ông Võ Sỹ Trúc Linh	Phó Giám đốc	

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc có trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như báo cáo tổng hợp tình hình kinh phí và quyết toán kinh phí của Trung tâm tư vấn xây dựng Thị xã Điện Bàn trong năm. Trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp cho rằng đơn vị sẽ không thể tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc xác nhận rằng đơn vị đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của đơn vị ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Đơn vị và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Tham mặt Ban giám đốc,

ỦY BAN NHÂN DÂN T.X ĐIỆN BÀN T. QUẢNG NAM
TRUNG TÂM TƯ VẤN XÂY DỰNG THỊ XÃ ĐIỆN BÀN

Trần Lê Hải Đảo
Giám đốc
Quảng Nam, ngày 04 tháng 06 năm 2020

ATAX Audit

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN THUẾ ATAX

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ TƯ VẤN

Trụ sở chính: Lô A92, đường 30/4, Phường Hòa Cường Bắc, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng
Tel: (0236)3 639 639 - **Fax:** (0236)3 639 638 - **Email:** atax@atax.vn - **Website:** www.atax.vn
VPĐD tại TP. Hồ Chí Minh: Tòa nhà Indochina, Số 04 Nguyễn Đình Chiểu, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
VPĐD tại TP. Hà Nội: Số nhà 19 ngõ 93 đường Đội Cấn, phường Đội Cấn, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội
VPĐD tại tỉnh Quảng Ngãi: Số 195 Quang Trung, Phường Lê Hồng Phong, TP. Quảng Ngãi

Số: 177-TC20/BC-ATAX *Đà Nẵng, ngày 18 tháng 06 năm 2020*

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Ban Giám đốc Trung tâm tư vấn xây dựng Thị xã Điện Bàn

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Trung tâm tư vấn xây dựng Thị xã Điện Bàn (sau đây gọi tắt là "Trung tâm"), được lập ngày 04 tháng 06 năm 2020, từ trang 3 đến trang 13 kèm theo, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Trung tâm chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý báo cáo tài chính của Trung tâm theo Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Trung tâm có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Trung tâm liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như việc đánh giá tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Trung tâm tư vấn xây dựng Thị xã Điện Bàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN THUẾ ATAX

Kiểm toán viên	**Phó Tổng Giám đốc**
Nguyễn Thanh An	**Trương Văn Minh**
Giấy CN đăng ký hành nghề kiểm toán	*Giấy CN đăng ký hành nghề kiểm toán*
Số: 4871-2019-105-1	*Số: 2952-2019-105-1*

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

MẪU B01/BCTC
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
TÀI SẢN				
I. Tiền	**01**	**IV.1**	**351.951.809**	**377.443.845**
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**05**	**IV.2**	**1.500.000.000**	**4.757.490.311**
III. Các khoản phải thu	**10**		**1.697.654.110**	**2.567.758.631**
1. Phải thu của khách hàng	11	IV.3	961.788.149	967.953.958
2. Các khoản phải thu khác	14	IV.4	735.865.961	1.599.804.673
IV. Hàng tồn kho	**20**		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**25**		-	-
VI. Tài sản cố định	**30**		**40.461.817**	**66.427.270**
1. Tài sản cố định hữu hình	31	IV.5	35.461.817	58.927.270
- Nguyên giá	32		154.963.634	154.963.634
- Khấu hao và hao mòn lũy kế	33		(119.501.817)	(96.036.364)
2. Tài sản cố định vô hình	35		5.000.000	7.500.000
- Nguyên giá	36		10.000.000	10.000.000
- Khấu hao và hao mòn lũy kế	37		(5.000.000)	(2.500.000)
VII. Xây dựng cơ bản dở dan	**40**		-	-
VIII. Tài sản khác	**45**		**86.593.641**	**122.218.314**
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (50= 01+05+10+20+25+30+40+45)	**50**		**3.676.661.377**	**7.891.338.371**

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

MẪU B01/BCTC
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
NGUỒN VỐN				
I. Nợ phải trả	**60**		**2.570.861.850**	**6.174.094.355**
1. Phải trả nhà cung cấp	61		25.000.000	-
2. Các khoản nhận trước của khách hàng	62	IV.6	2.111.508.380	1.996.604.379
3. Nợ phải trả khác	68	IV.7	434.353.470	4.177.489.976
II. Tài sản thuần	**70**	**IV.9**	**1.105.799.527**	**1.717.244.016**
1. Thặng dư / thâm hụt lũy kế	72		(1.331.049.932)	(719.605.443)
2. Các quỹ	73	IV.8	1.430.704.738	1.430.704.738
3. Tài sản thuần khác	74	IV.9	1.006.144.721	1.006.144.721
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (80=60+70)	**80**		**3.676.661.377**	**7.891.338.371**

Hồ Thị Thúy Quỳnh	**Hồ Thị Thúy Quỳnh**	**Trần Lê Hải Đảo**
Người lập biểu	*Phụ trách kế toán*	*Giám đốc*
		Quảng Nam, ngày 04/06/2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Năm 2019

Mẫu B02/BCTC
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Hoạt động hành chính, sự nghiệp				
II. Hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ				
1. Doanh thu	10	V.1	1.824.253.381	2.436.983.283
2. Chi phí	11	V.1	2.733.077.948	3.395.242.797
3. Thặng dư/thâm hụt (12=10-11)	12		(908.824.567)	(958.259.514)
III. Hoạt động tài chính				
1. Doanh thu	20	V.2	317.140.063	292.843.705
2. Chi phí	21	V.2	-	-
3. Thặng dư/thâm hụt (22=20-21)	22		317.140.063	292.843.705
IV. Hoạt động khác				
1. Doanh thu	30	V.3	-	2.190.000
2. Chi phí	31	V.3	19.759.985	108.000
3. Thặng dư/thâm hụt (32=30-31)	32		(19.759.985)	2.082.000
V. Chi phí thuế TNDN	**40**	**V.4**	**-**	**56.271.634**
VI. Thặng dư/thâm hụt trong năm (50=09+12+22+32-40)	**50**		**(611.444.489)**	**(719.605.443)**
1. Sử dụng kinh phí tiết kiệm của đơn vị hành chính	51		-	-
2. Phân phối cho các quỹ	52		-	-
3. Kinh phí cải cách tiền lương	53		-	-

Hồ Thị Thúy Quỳnh	**Hồ Thị Thúy Quỳnh**	**Trần Lê Hải Đảo**
Người lập biểu	*Phụ trách kế toán*	*Giám đốc*
		Quảng Nam, ngày 04/06/2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)
Năm 2019

Mẫu B03/BCTC
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG CHÍNH				
1. Các khoản thu	**01**		**2.390.798.221**	**3.190.795.944**
- Tiền thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ	05		2.127.748.221	2.811.370.864
- Tiền thu khác	06		263.050.000	379.425.080
2. Các khoản chi	**10**		**(5.990.920.631)**	**(5.666.985.046)**
- Tiền chi lương, tiền công và chi khác cho nhân viên	11		(663.816.413)	(913.870.199)
- Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	12		(1.075.851.735)	(3.026.327.822)
- Tiền chi khác	13		(4.251.252.483)	(1.726.787.025)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động chính	**20**		**(3.600.122.410)**	**(2.476.189.102)**
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền thu từ các khoản đầu tư	22		5.074.630.374	6.219.825.480
2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	24		(1.500.000.000)	(4.757.490.311)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**3.574.630.374**	**1.462.335.169**
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		-	-
IV. Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**50**		**(25.492.036)**	**(1.013.853.933)**
V. Số dư tiền đầu kỳ	**60**		**377.443.845**	**1.391.297.778**
VI. Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá	**70**		-	-
VII. Số dư tiền cuối kỳ	**80**		**351.951.809**	**377.443.845**

Hồ Thị Thúy Quỳnh	**Hồ Thị Thúy Quỳnh**	**Trần Lê Hải Đảo**
Người lập biểu	*Phụ trách kế toán*	*Giám đốc*
		Quảng Nam, ngày 04/06/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH **MẪU B04 - BCTC**

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Trung tâm tư vấn xây dựng Thị xã Điện Bàn (gọi tắt là Trung tâm) là đơn vị sự nghiệp có thu, có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng và được mở tài khoản theo quy định của Nhà nước.

Trung tâm được thành lập theo quyết định số 15934/QĐ-UBND ngày 18/09/2017 của UBND thị xã Điện Bàn trên cơ sở tổ chức lại Trung tâm Tư vấn xây dựng thuộc Ban Quản lý Phát triển đô thị mới Điện Nam - Điện Ngọc được chuyển giao tại quyết định số 2272/QĐ-UBND ngày 23/06/2017 của UBND tỉnh Quảng Nam.

Trung tâm thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Chuẩn bị mặt bằng,
- Lập dự án đầu tư công trình,
- Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình,
- Thiết kế quy hoạch,
- Thiết kế xây dựng công trình,
- Thẩm tra thiết kế xây dựng công trình,
- Giám sát thi công xây dựng công trình,
- Khảo sát xây dựng công trình.

Trụ sở của Trung tâm đóng tại Ngã tư Điện Ngọc, Thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Kỳ kế toán năm

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Trung tâm được lập theo hướng dẫn của chế độ kế toán hành chính sự nghiệp ban hành theo Thông tư số 107/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính.

3. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán tại Trung tâm là Đồng Việt Nam (VND).

4. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Trung tâm đã thực hiện công việc kế toán theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 107/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2017 và các hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động và luồng tiền của Trung tâm.

III. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận tiền

Tiền tại đơn vị bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

2. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải thu

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Trung tâm và người mua là đơn vị độc lập với Trung tâm.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định của đơn vị được trình bày theo nguyên giá (giá gốc); giá trị còn lại = Nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế và khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình là toàn bộ chi phí đơn vị phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ngày ghi nhận ban đầu được tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các khoản chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản. Chi phí phát sinh khi ghi nhận chi phí ban đầu không thoả mãn điều kiện này thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất trong kỳ.

Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên tỷ lệ hao mòn ước tính của tài sản quy định ở Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07/05/2018 của Bộ Tài chính. Tỷ lệ hao mòn ước tính cho các nhóm tài sản của đơn vị cụ thể như sau:

Loại tài sản	Năm 2019 (Năm)
Máy móc, thiết bị	5 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	4 - 9

4. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Trung tâm;
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

5. Nguyên tắc ghi nhận thặng dư (Thâm hụt) lũy kế

Thăng dư (Thâm hụt) lũy kế phản ánh tổng số chênh lệch thu, chi của các hoạt động hay còn gọi là thặng dư (thâm hụt) lũy kế của đơn vị tại ngày lập báo cáo tài chính và việc xử lý số thặng dư hoặc thâm hụt của hoạt động hành chính, sự nghiệp; hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; hoạt động tài chính và hoạt động khác.

6. Nguyên tắc ghi nhận các quỹ

Tài khoản này dùng để phản ánh việc trích lập và sử dụng các quỹ của đơn vị sự nghiệp công lập.

Các quỹ được hình thành từ kết quả thặng dư (chênh lệch thu lớn hơn chi) của hoạt động hành chính, sự nghiệp; hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; hoạt động tài chính và các khoản chênh lệch thu lớn hơn chi khác theo quy định của chế độ tài chính.

7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ

Tài khoản này áp dụng cho các đơn vị hành chính, sự nghiệp có tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ dùng để phản ánh các khoản doanh thu của hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

Đơn vị phản ánh vào tài khoản này các khoản thu của hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ bao gồm:

- Doanh thu quy hoạch dự án;

- Doanh thu tư vấn thiết kế, giám sát công trình xây dựng;

- Doanh thu từ hoạt động thẩm tra, quản lý dự án;

- Doanh thu từ dịch vụ Lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu;

- Doanh thu thiết kế đô thị quy hoạch.

Doanh thu được ghi nhận vào tài khoản này là các khoản doanh thu bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ khi các khoản doanh thu đó được xác định một cách tương đối chắc chắn. Trường hợp trong hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, đơn vị chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không còn được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp.

8. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn dịch vụ cung cấp trong kỳ.

Giá vốn của dịch vụ cung cấp được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí quản lý của hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ

Chi phí quản lý của hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ gồm các chi phí về lương, BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN của cán bộ quản lý bộ phận sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động; thuế môn bài; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng, lệ phí giao thông, lệ phí cầu phà, chi phí phát sinh liên quan đến hàng bán trả lại...) của bộ phận sản xuất, kinh doanh, dịch vụ không phân bổ được trực tiếp vào từng sản phẩm, nhóm sản phẩm, dịch vụ, nhóm dịch vụ và chi phí khấu hao TSCĐ chỉ sử dụng cho bộ phận quản lý sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

Không hạch toán vào Tài khoản 642 – "Chi phí quản lý của hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ" các chi phí liên quan trực tiếp đến giá thành sản phẩm, dịch vụ; chi phí tiền lương, BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN của nhân công trực tiếp sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; chi phí khấu hao TSCĐ của bộ phận trực tiếp SXKD, dịch vụ.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của đơn vị phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động của đơn vị có hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ chịu thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận khi xác định thặng dư (thâm hụt) của năm tài chính.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành áp dụng cho năm 2019 là 20%.

IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	18.724.334	16.287.654
Tiền gửi ngân hàng	333.227.475	361.156.191
Cộng	**351.951.809**	**377.443.845**

2. Đầu tư tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - CN Hội An	-	4.757.490.311
Ngân hàng NN và PTNN - CN KCN Điện Nam - Điện Ngọc	1.500.000.000	-
Cộng	**1.500.000.000**	**4.757.490.311**

3. Phải thu khách hàng ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty CP GTVT Quảng Nam	167.772.800	94.255.000
Công ty Cổ phần Vinaconex 25	151.362.611	132.346.000
Công ty Cổ phần Mbland Đà Nẵng	431.619.000	431.619.000
Tập Đoàn Đất Quảng	-	199.362.000
Đối tượng khác	211.033.738	110.371.958
Cộng	**961.788.149**	**967.953.958**

4. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Thuế GTGT được khấu trừ:	2.272.727	-
Chi phí trả trước	13.166.667	41.079.547
Phải thu khác	720.426.567	1.558.725.126
Cộng	**735.865.961**	**1.599.804.673**

5. Tài sản cố định hữu hình

	Máy móc, thiết bị	TB, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	**43.454.544**	**111.509.090**	**154.963.634**
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	**43.454.544**	**111.509.090**	**154.963.634**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ			
Số dư đầu năm	**33.363.636**	**62.672.728**	**96.036.364**
Tăng trong năm	**3.363.636**	**20.101.817**	**23.465.453**
- Trích khấu hao	3.363.636	20.101.817	23.465.453
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	**36.727.272**	**82.774.545**	**119.501.817**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	**10.090.908**	**48.836.362**	**58.927.270**
Tại ngày cuối năm	**6.727.272**	**28.734.545**	**35.461.817**

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2019 là: 30.000.000 VND.

6. Các khoản nhận trước của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty Cổ phần Phú Gia Thịnh	721.658.000	721.658.000
Công ty CP Smart	-	200.000.000
Công ty TNHH sản xuất và thương mại Bách Đạt	778.013.380	378.013.380
Ban QL ĐTXD Điện Bàn	66.809.000	84.883.000
Công ty CP BĐS Canvin	302.584.000	220.061.000
Các đối tượng khác	242.444.000	391.988.999
Cộng	**2.111.508.380**	**1.996.604.379**

7. Nợ phải trả khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Các khoản thuế phải nộp Nhà nước	**105.278.655**	**236.997.340**
- Thuế giá trị gia tăng	105.278.655	236.997.340
b. Các khoản phải nộp theo lương	-	**1.884.599**
- Bảo hiểm xã hội	-	1.884.599
c. Phải trả cho người lao động	**61.209.200**	-
d. Các khoản thu hộ, chi hộ	-	-
e. Nhận đặt cọc, ký quỹ, ký cược	-	-
f. Nợ phải trả khác	**267.865.615**	**3.938.608.037**
Cộng	**434.353.470**	**4.177.489.976**

8. Các quỹ

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
- Quỹ bổ sung thu nhập	1.430.704.738	1.430.704.738
Cộng	**1.430.704.738**	**1.430.704.738**

9. Biến động nguồn vốn

	Các khoản mục thuộc nguồn vốn			
	Thặng dư (thâm hụt) lũy kế	Các quỹ	Nguồn cải cách tiền lương	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày đầu năm	**(719.605.443)**	**1.430.704.738**	**1.006.144.721**	**1.717.244.016**
Tăng trong năm	(611.444.489)	-	-	(611.444.489)
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại ngày cuối năm	**(1.331.049.932)**	**1.430.704.738**	**1.006.144.721**	**1.105.799.527**

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

1. Hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
a. Doanh thu	**1.824.253.381**	**2.436.983.283**
Doanh thu quy hoạch dự án	216.308.182	1.392.454.999
Doanh thu thiết kế dự án	342.079.818	558.416.467
Doanh thu tư vấn giám sát thi công xây dựng	668.099.647	280.654.545
Doanh thu thẩm tra dự án	124.741.823	126.152.727
Doanh thu quản lý dự án	62.263.000	
Doanh thu Lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu	61.724.547	79.304.545
Doanh thu thiết kế đô thị quy hoạch	349.036.364	-
b. Chi phí	**2.733.077.948**	**3.395.242.797**
- Giá vốn hàng bán	1.611.075.276	2.977.035.634
- Chi phí quản lý	1.122.002.672	418.207.163

2. Hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
a. Doanh thu	**317.140.063**	**292.843.705**
Lãi tiền gửi	317.140.063	292.843.705
b. Chi phí	-	-

3. Hoạt động khác

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
a. Doanh thu	-	**2.190.000**
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	-	2.190.000
b. Chi phí	**19.759.985**	**108.000**
Chi phí vi phạm hành chính về Thuế và tiền chậm nộp	19.759.985	108.000

4. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

	Năm nay VND	Năm trước VND
A. Kết quả hoạt động kinh doanh ghi nhận theo BCTC		
Tổng lợi nhuận trước thuế TNDN	(611.444.489)	(719.605.443)
B. Xác định thu nhập chịu thuế theo Luật thuế TNDN		
1. Điều chỉnh tăng tổng lợi nhuận trước thuế TNDN	**19.759.985**	**108.000**
Các khoản truy thu và tiền phạt về vi phạm hành chính đã tính vào chi phí	19.759.985	108.000
2. Điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận trước thuế TNDN	-	-
3. Tổng thu nhập chịu thuế TNDN chưa trừ chuyển lỗ	**(591.684.504)**	**(719.497.443)**
4. Lỗ từ các năm trước chuyển sang	-	-
5. Tổng thu nhập chịu thuế TNDN (Đã trừ chuyển lỗ)	**(591.684.504)**	**(719.497.443)**
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế TNDN phát sinh phải nộp trong kỳ tính thuế (chưa tính số được giảm)	-	-
6. Thuế TNDN phát sinh phải nộp của kỳ tính thuế này	-	-
7. Thuế TNDN bị truy thu của các kỳ tính thuế trước	-	**56.271.634**
Tổng số thuế TNDN phải nộp trong kỳ	-	**56.271.634**

VI. THÔNG TIN KHÁC

1. Sự kiện quan trọng phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Tại ngày 21 tháng 4 năm 2020, Trung tâm Tư vấn và Xây dựng Điện Bàn chính thức chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu với tên giao dịch là Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư phát triển Quảng Nam.

2. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh được lấy theo Báo cáo tài chính năm trước đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn thuế ATAX.

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG ĐIỆN NGỌC
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số: 00002584
Quyển: 01 Ngày 19-06-2020

Hồ Thị Thúy Quỳnh	Hồ Thị Thúy Quỳnh	Trần Lê Hải Đảo
Người lập biểu	*Phụ trách kế toán*	*Giám đốc*

Quảng Nam, ngày 04/06/2020

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Sáu